

trợ tại tỉnh, chủ yếu tập trung vào các huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và huyện Trung du Nghĩa Hành với tổng giá trị viện trợ đạt khoảng 1.041 tỷ đồng với 133 chương trình, dự án, phi dự án (*Bảng tổng hợp kèm theo*).

Hầu hết các chương trình, dự án PCPNN chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như y tế, giáo dục - đào tạo, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu và viện trợ khẩn cấp. Các chương trình, dự án viện trợ PCPNN đều phát huy hiệu quả, góp phần giải quyết nhu cầu cấp thiết của địa phương cũng như tạo những chuyển biến tích cực trong nhận thức và đời sống của nhân dân trong vùng dự án, góp phần thiết thực trong công tác xoá đói, giảm nghèo, phát triển bền vững phù hợp các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đánh giá chung

Việc triển khai thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều kết quả tích cực, các chương trình, dự án viện trợ PCPNN đều phát huy hiệu quả, góp phần giải quyết nhu cầu cấp thiết của địa phương, cùng với nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và thông qua các dự án này, người dân ở vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh đã tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin... hệ thống cơ sở hạ tầng vùng DTTS của tỉnh cũng đã được cải thiện, tạo việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào DTTS nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

3.1. Thuận lợi

- Đa số các sở, ban, ngành, địa phương, các hội, đoàn thể trong tỉnh căn cứ nhu cầu cụ thể đã chủ động xây dựng các dự án kêu gọi vận động tài trợ, nhất là các dự án thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã xây dựng được cơ chế phối hợp hiệu quả; các hoạt động của chương trình/dự án đều có sự tham gia của người hưởng lợi, phê duyệt của chính quyền và thỏa mãn tiêu chí của nhà tài trợ và mục đích của chương trình/dự án đề ra.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương trong tỉnh thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN theo đúng quy định của Nhà nước theo Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; phối hợp quản lý tốt hoạt động của các tổ chức PCPNN tại tỉnh theo Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2014 của Chính phủ và Thông tư số 05/2012/TT-BNG ngày 12/11/2014 của Bộ Ngoại giao.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án viện trợ PCPNN, đa số các tổ chức PCPNN tuân thủ các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam; có mối quan hệ hợp tác tốt với các đối tác

địa phương; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, các cam kết tài trợ, triển khai các chương trình, dự án đúng tiến độ, giải ngân kịp thời và đạt hiệu quả tương đối cao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo cụ thể khi có khách nước ngoài đến thăm dự án hay thực hiện các công việc liên quan đến dự án.

3.2. Khó khăn:

- Việc quản lý hoạt động viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài của cơ quan đầu mối còn gặp nhiều khó khăn, do một số đơn vị tiếp nhận viện trợ chưa chủ động báo cáo kịp thời theo quy định tại Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và Thông tư số 07/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

- Đa số các dự án có quy mô nhỏ và vừa. Hoạt động giám sát và đánh giá các dự án tại cộng đồng chưa được thường xuyên do địa bàn hoạt động của dự án là vùng sâu, vùng xa; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng mô hình còn hạn chế do thiếu kinh phí.

- Một số đơn vị, địa phương chưa làm tốt việc hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài theo quy định tại thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Cán bộ được phân công phụ trách, theo dõi công tác PCPNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương thường thay đổi do việc điều động, luân chuyển cán bộ nên đã phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai, phối hợp, chia sẻ thông tin và giám sát trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

- Trung ương đã lấy ý kiến của các địa phương về Nghị định thay thế Nghị định 12/2012/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thấy ban hành.

- Hiện nay, tổ chức Plan International Việt Nam, một trong những tổ chức PCPNN có nguồn tài trợ lớn và lâu dài cho tỉnh Quảng Ngãi đã kết thúc các chương trình, dự án tài trợ tại tỉnh sau 19 năm hợp tác với tỉnh. Hiện, địa phương vẫn còn nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn cần sự hỗ trợ của các tổ chức PCPNN và các nhà tài trợ nước ngoài.

- Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới dẫn đến hạn chế sự cung cấp vốn cho các dự án PCPNN, hạn chế lĩnh vực tài trợ. Mặt khác, Việt Nam bước vào ngưỡng quốc gia có thu nhập trung bình, thoát khỏi nhóm quốc gia nghèo và lạc hậu, nên các tổ chức PCPNN có xu hướng chuyển sang viện trợ các nước nghèo, khó khăn hơn.

4. Kế hoạch triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025

4.1. Định hướng ưu tiên theo ngành/lĩnh vực

4.1.1. Giáo dục - đào tạo và đào tạo nghề

- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trường học ở các địa bàn khó khăn, miền núi, hải đảo; cải thiện và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các trường học; xây dựng và nâng cấp các trường dân tộc nội trú, nhà nội trú, bán trú; xây dựng hệ thống thư viện và nhà vệ sinh ở trường học các cấp, trong đó ưu tiên khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Xây dựng cơ sở vật chất và cung cấp trang thiết bị cho đào tạo nghề; ưu tiên các dự án dạy nghề cho đối tượng yếu thế, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các mô hình dạy nghề, giáo dục chuyên biệt; trao đổi, liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và thực hành, giữa nhà trường và doanh nghiệp.

- Cung cấp học bổng cho học sinh - sinh viên và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số; cung cấp học bổng đào tạo trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, bồi dưỡng năng lực, trình độ cho đội ngũ giáo viên các cấp, ưu tiên các khu vực miền núi, hải đảo và giáo viên thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số, giáo viên dạy trẻ khuyết tật; đào tạo công nghệ thông tin cho các trường học, ưu tiên địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo.

4.1.2. Y tế

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế nhất là cán bộ y tế cấp cơ sở; cung cấp học bổng đào tạo đội ngũ cán bộ y tế trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ nâng cấp, xây dựng hạ tầng cơ sở y tế; hỗ trợ cung cấp trang thiết bị y tế và chuyển giao công nghệ cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và xã.

- Hỗ trợ các chương trình truyền thông, y tế cộng đồng và y tế công cộng; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Hỗ trợ các chương trình truyền thông và hoạt động về dân số, kế hoạch hóa gia đình, giảm tỉ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em.

- Hỗ trợ các chương trình y tế dành cho người nghèo, người khuyết tật; phối hợp tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh nhân đạo cho trẻ em, người già, người nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương khác.

- Hỗ trợ thực hiện các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và cận thị học đường cho trẻ em; chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng trẻ em.

- Hỗ trợ xây dựng và nâng cao năng lực cho các trung tâm kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

4.1.3. Nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư: Đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các hộ dân; xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển nuôi trồng, đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xúc tiến hợp tác thương mại để tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển mô hình nông thôn mới; phát triển kinh tế vườn hộ; phát triển ngành, nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, sản xuất dịch vụ nhỏ và vừa; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế thông qua tăng cường thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn: Phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn, công trình nước sạch, nhà vệ sinh, công trình chống biến đổi khí hậu.

- Phát triển nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững; hỗ trợ ngư dân nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản.

- Nghiên cứu khoa học trong nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất vật nuôi, cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu và đạt năng suất cao.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Xây dựng các thương hiệu sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của tỉnh.

4.1.4. Giải quyết các vấn đề xã hội

- Hỗ trợ các chương trình, hoạt động giáo dục hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế, trẻ em mồ côi, khuyết tật, lang thang cơ nhỡ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Phát triển các trung tâm giáo dục trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính cho các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Xây nhà ở cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, ưu tiên khu vực nông thôn, miền núi - hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Tạo sinh kế bền vững cho người yếu thế trong xã hội; hỗ trợ nhân đạo phát triển bền vững cho các đối tượng khó khăn, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người cao tuổi, người khuyết tật.

- Tuyên truyền, phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông; phòng chống bạo lực gia đình, buôn bán xâm hại phụ nữ, trẻ em và các vấn đề xã hội.

- Hỗ trợ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, nâng cao năng lực cho phụ nữ trong một số lĩnh vực, hỗ trợ tăng sinh kế cho phụ nữ ở khu vực nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số; Hỗ trợ xây dựng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong công tác

bình đẳng giới; hỗ trợ tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực về hoạt động bình đẳng giới.

4.1.5. Môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp

- Hỗ trợ các chương trình, dự án bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên (trồng và bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, xử lý rác thải,...), ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; các dự án hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững; thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển công nghệ xanh.

- Hỗ trợ các dự án, chương trình về tái thiết cơ sở hạ tầng, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ môi trường đô thị.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phòng chống buôn bán, giết hại các loài động vật hoang dã; bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học.

- Phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống nhà chống lũ; các công trình phòng chống thiên tai như hệ thống hồ, đập, đê điều, kè chống sạt lở.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức phòng chống, khắc phục thiên tai cho người dân cộng đồng các cấp, các ngành; đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Hỗ trợ các mô hình nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, xây dựng mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng quản lý chất thải đô thị, y tế, tái sử dụng và tái chế xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn; hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, các bãi xử lý rác thải tập trung và mô hình xử lý rác thải hộ gia đình nông thôn; hỗ trợ các dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên theo hướng bền vững; kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai như: cứu trợ khẩn cấp về lương thực, y tế, giống cây trồng, vật nuôi; xây dựng nhà ở, hỗ trợ khắc phục môi trường sau thiên tai.

4.1.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

- Tuyên truyền, bảo vệ, bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống, phi vật thể và các di sản văn hóa, di tích lịch sử.

- Hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.

- Xây dựng cơ sở vật chất, công trình nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư về thể thao, văn hóa tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Trao đổi văn hóa, thể thao; đào tạo huấn luyện viên, vận động viên.
- Hỗ trợ phát triển du lịch xanh, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, sinh thái.

4.2. Định hướng ưu tiên theo địa bàn: Ưu tiên các địa bàn khó khăn, hạn chế về nguồn lực phát triển và khu vực miền núi. Nội dung ưu tiên cụ thể cần được xác định theo lĩnh vực ưu tiên và tình hình thực tế của địa phương.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị các Bộ ngành Trung ương tăng cường trao đổi và cung cấp thông tin về các tổ chức PCPNN và hoạt động viện trợ của các tổ chức PCPNN nhằm giúp địa phương trong quá trình vận động, thu hút, tiếp nhận và sử dụng viện trợ có hiệu quả. Đồng thời, thông tin kịp thời cho địa phương về các vấn đề liên quan đến các tổ chức PCPNN có tiềm năng tài chính đang hoạt động tại Việt Nam, hỗ trợ nghiệp vụ cho tỉnh trong việc xử lý các vấn đề nhạy cảm, các tổ chức PCPNN có quan hệ phức tạp trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị các Bộ ngành Trung ương trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 12/2012/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc và các Bộ ngành Trung ương tiếp tục quan tâm giúp đỡ hơn nữa đối với tỉnh Quảng Ngãi thông qua việc giới thiệu các tổ chức PCPNN mới có nguồn lực lớn đến hoạt động viện trợ tại vùng đồng bào dân tộc, miền núi trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện cho tỉnh tham gia các đoàn công tác của Ủy ban Dân tộc làm việc với các tổ chức PCPNN để vận động viện trợ; giúp tỉnh mở rộng quan hệ, tranh thủ viện trợ của các tổ chức PCPNN phù hợp với các xu hướng viện trợ trên thế giới, xác định đúng trọng tâm vận động trong từng thời kỳ để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo của tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo Sở Công thương tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Công thương;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân